TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN B	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ C	
Số: 48/2023/QĐST.DS	B, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Nguyễn Hoài Tâm

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Ông **Trần Tấn Bửu**- Kiểm sát viên.

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 146/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp *"Di sản thừa kế"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2023/QĐST- DS ngày 08/6/2023.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa (từ ngày 29/6/2023 đến 30/6/2023), các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu quan điểm*: Các đương sự đã thống nhất về toàn bộ nội dụng tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà **Phạm Thúy H**, sinh năm 1963
- Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: 294/12 khu vực Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận B, thành phố C.

Đại diện giám hộ cho bà H, ông C: Bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1955 – Có mặt.

Địa chỉ: 413D Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận B, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Thạnh Mỹ A, xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông **Phạm Thành T**, sinh năm 1967 – Có mặt.

Địa chỉ: 294/12 khu vực Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận B, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Hồng L**, sinh năm 1954 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Đông Hiển A, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố C.

2. Bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1955

Địa chỉ: 413D Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận B, thành phố C.

3. Văn phòng Công chứng C; Công chứng viên **Đào Thị Thúy Huỳnh**

Địa chỉ: 70 A3, KDC Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Các bên thống nhất xác định:

- Di sản thừa kế do bà Huỳnh Thị Séo để lại là: Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.564m^2, thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 16, tọa tọa lạc tại khu vực Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận B, thành phố C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04191 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Huỳnh Thị Séo vào ngày 26/9/2003.

- Có 03 người được hưởng thừa kế phần đất trên theo di chúc của bà Huỳnh Thị Séo lập ngày 27/12/2005 là: Phạm Thúy H, Phạm Văn C và Phạm Thành T.

- Trên phần đất có 02 căn nhà không được bà Séo định đoạt trong di chúc (được ghi nhận là nhà 1 và nhà 2 theo biên bản định giá lập ngày 30/11/2022), nên phát sinh thừa kế theo pháp luật. Những người thừa kế theo pháp luật của của bà Séo là 05 người con của bà Séo bao gồm: Phạm Hồng L, Phạm Thị T1, Phạm Thúy H, Phạm Văn C và Phạm Thành T. Tuy nhiên, bà L, bà T1 xác định không tranh chấp đối với các căn nhà trên phần đất.

[2.2] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận:

[2.2.1] Hủy toàn bộ "*Văn bản thỏa thuận về việc khai nhận di sản thừa kế theo di chúc"* được lập ngày 28/8/2019, giữa ông Phạm Thành T, bà Phạm Thúy H và ông Phạm Văn C, tại Phòng Công Chứng C (Số công chứng 3759, quyển số X/2019), về việc thỏa thuận phân chia phần đất nêu trên.

[2.2.2] Thống nhất thực hiện theo di chúc của bà Huỳnh Thị Séo đã lập ngày 27/12/2005 về việc phân chia phần đất nêu trên cho 03 người con là Phạm Thúy H,

Phạm Văn C và Phạm Thành T. Tuy nhiên, nay các đương sự nêu trên thỏa thuận phân chia lại như sau:

- Về phần đất: Theo đo đạc thực tế, với diện tích là 3.564m^2, thì 03 người được thừa kế theo di chúc của bà Séo gồm: Phạm Thúy H, Phạm Văn C và Phạm Thành T mỗi người được hưởng phần đất có diện tích 1.188m^2. Nay, ông Phạm Thành T đồng ý giao toàn bộ kỷ phần thừa kế về quyền sử dụng đất mà ông được hưởng như trên (1.188m^2) và toàn bộ kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên đất, cho bà Phạm Thúy H và ông Phạm Văn C.

+ Bà Phạm Thúy H, ông Phạm Văn C (có đại diện giám hộ là bà Phạm Thị T1) được nhận toàn bộ diện tích đất là 3.564m^2 và toàn bộ 02 căn nhà hiện hữu trên đất, đồng thời có nghĩa vụ thối lại cho ông Phạm Thành T số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng).

- Thời gian và phương thức giao tiền các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Trong thời hạn 01 tháng (kể từ ngày 30/6/2023), nguyên đơn có nghĩa vụ giao trước số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho ông Phạm Thành T, tại Chi cục thi hành án quận B.

+ Số tiền còn lại (1.300.000.000 đồng), giao trong thời hạn 02 tháng còn lại (Từ tháng 7/2023 đến hết ngày 30/9/2023), tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

+ Trong thời hạn này (từ 30/6/2023 đến 30/9/2023), ông Phạm Thành T có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên, tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ giao số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng) cho ông Phạm Thành T, thì các nguyên đơn (có đại diện giám hộ là bà Phạm Thị T1) được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm để điều chỉnh, sang tên đối với toàn bộ phần đất có diện tích 3.564m^2, tại thửa số 13, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khu vực Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận B, thành phố C (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 04191 cấp ngày 26/9/2003 (chỉnh lý sang tên cho ông Phạm Thành T ngày15/10/2019))

[2.2.3] Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, lệ phí trích đo và án phí:

- Chi phí đo đạc, thẩm định và lệ phí trích đo là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Phần đất tranh chấp có diện tích là 3564m^2 (trong đó có 70m^2 đất thổ cư, còn lại là đất CLN), được định giá nhà nước là: 779.330.000 đồng. Bà H, ông C, ông T mỗi người phải chịu 11.724.000 đồng, tuy nhiên:

+ Miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án (do bà H, ông C là người cao

tuổi, có khó khăn trong nhận thức hành vi, người giám hộ là bà Phạm Thị T1 (cũng là người cao tuổi) có đơn xin miễn giảm án phí).

+ Nguyên đơn tự nguyện nộp thay phần án phí của ông Phạm Thành T là 11.724.000 đồng (mười một triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng). Do vậy, khấu trừ 10.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã đóng theo Biên lai thu số 0002591 ngày 11/7/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự quận B thành án phí, nguyên đơn còn phải nộp thêm 1.674.000 đồng (một triệu, sáu trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo Quyết định này là Trích đo địa chính số 415 do Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập ngày 24/4/2023).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận B;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q B.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ